

Bản án số: 468/2022/HC-PT

Ngày: 15-8-2022

V/v: “*Khiếu kiện quyết định
hành chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Bảo Nguyên

Các Thẩm phán: Ông Đào Hồng Cảnh

Ông Nguyễn Vũ Trọng Đan

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thái Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Thân Trọng Minh Phương- Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành
phố Hồ Chí Minh , xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số:
31/2018/TLPT- HC ngày 19 tháng 9 năm 2018 về việc “*Khiếu kiện quyết định
hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 04/2018/HC-ST ngày 30 tháng 3 năm
2018 của Toà án nhân dân Quận H (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí
Minh bị ông Ngô Tấn T là người khởi kiện kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm 2470/2022/QĐ-PT ngày
24 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9523/2022/QĐ-PT ngày
21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Ngô Tấn T, sinh năm 1978.

Cư trú: phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

Ông Bùi Quốc T11, sinh năm 1957.

Địa chỉ liên lạc: phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền công chứng số 12064 ngày 05/9/2016 tại Văn phòng
công chứng T, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: phường M, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Hoàng T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

-Ông Trần Cảnh P - Phó trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T.

-Ông Phạm Hoàng Anh T - Phó trưởng Phòng tiếp công dân, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T.

-Ông Nguyễn Hoàng S - Phó trưởng Phòng Nghiệp vụ 2, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị N, sinh năm 1977.

Cư trú: phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ủy ban nhân dân phường K, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: phường K, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường N - Công chức địa chính.
(Theo Giấy ủy quyền số 10/GUQ-UBND ngày 20/7/2022)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo Đơn khởi kiện ngày 01/12/2015 và tại phiên Tòa, người khởi kiện – Ông Ngô Tấn T có ông Bùi Quốc T11 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Yêu cầu Tòa án hủy Quyết định hành chính số 16473/QĐ-UBND-Tr ngày 21/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) Quận H về giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 14/01/2010 của Chủ tịch UBND Quận H về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư.

Người khởi kiện xác định khiếu kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân Quận H đối với các Quyết định số 16473/QĐ-UBND-Tr ngày 21/12/2010 mà không khiếu nại bất kỳ cơ quan nào khác. Và người khởi kiện xác định không khởi kiện quyết định hành chính nào khác.

Người khởi kiện trình bày về nội dung khởi kiện:

- Lý do khởi kiện:

1. Toàn bộ khuôn viên đất và căn nhà 23/6 (hộ ghép) phường B, Quận H có diện tích 221,6m² thuộc một phần thửa số 2, tờ bản đồ số 26, phường B,

Quận H (bản đồ địa chính năm 2002) nằm ngoài ranh quy hoạch và ranh thu hồi đất nên không bị ảnh hưởng bởi các Quyết định 1997 ngày 19/5/2002 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh và các Quyết định số 135, 123, 06 và 773 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Quyết định 785 ngày 10/02/1995; Quyết định 225 ngày 15/01/1998; Tờ trình 1090 ngày 05/4/2002; Công văn 4945 ngày 03/5/2002; Quyết định 65 ngày 11/6/2002 đã xác định khu phố 2, phường B nằm ngoài khu trung tâm Thủ Thiêm.

2. Không có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được quy định tại các điều 21, 28, 32 Luật Đất đai năm 1993; khoản 2 Điều 3 Luật Đất đai 1993 sửa đổi, bổ sung năm 1998; khoản 2, Điều 23 và khoản 3 Điều 24 Luật Đất đai sửa đổi bổ sung năm 2001 và Điều 2.1 của Quyết định 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về thu hồi và giao đất.

3. Không có phương án bồi thường theo quy định tại Điều 28 Luật Đất đai năm 1993 và Điều 32 Nghị định 22 của Chính phủ.

4. Áp dụng Luật Đất đai năm 1993 và Nghị định 22 năm 1998 đã hết hiệu lực thi hành.

5. Thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính và trình tự thủ tục ban hành các quyết định hành chính không phù hợp với các quy định pháp luật.

6. Sử dụng bản đồ bất hợp pháp và viện dẫn các căn cứ không có thật để ban hành quyết định hành chính và thực hiện hành vi hành chính.

7. Không công khai quy hoạch để sử dụng bản đồ bất hợp pháp làm căn cứ kết luận nhà đất của ông T nằm trong ranh quy hoạch và ranh thu hồi đất.

8. Chưa xác định đầy đủ các trang thiết bị, công trình xây dựng và số nhân khẩu thường trú trong bảng chiết tính.

9. Xác định thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất và thời điểm ông nội của ông T cho đất không đúng thực tế.

- *Cơ sở để yêu cầu:* Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 01/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Tổ tụng hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2015. Quyết định số 16473/QĐ-UBND-TTr ngày 21/12/2010 của Chủ tịch UBND Quận H về giải quyết khiếu nại đối với Quyết định 894/QĐ-UBND ngày 14/01/2010 của Chủ tịch UBND Quận H về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với thửa đất có căn nhà 23/5 Khu phố 2 phường B, Quận H là có căn cứ.

Bởi lẽ Bản án sơ thẩm số 12/2011/HC-ST ngày 05/8/2011 của Tòa án nhân dân Quận H và Bản án phúc thẩm số 141/2012/HC-PT ngày 06/3/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã đình chỉ giải quyết đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 16473/QĐ-UBND-Ttr ngày 21/12/2010 của Chủ tịch UBND Quận H.

- *Nguồn gốc nhà đất:* Nguồn gốc nhà đất của ông T do bà cố của ông T là bà Mai Thị Đ và ông nội của ông T là ông Ngô Tấn Th đã khai hoang tạo lập vào năm 1955. Năm 1980 ông Th đã kê khai toàn bộ thửa đất của ông đang sử dụng và có đóng thuế cho nhà nước. Năm 1992, ông Th đã xây dựng căn nhà 70,9m² để cho ông T và chú ông T ở trong căn nhà đó. Năm 1995 gia đình ông T đã hợp lại và có cô chú ông T chứng kiến việc ông Th cho ông T phần nhà đất 224,2m² để sau này gia đình không có ai tranh chấp. Đến năm 1999 đã kê khai đất lại để đóng thuế, vì do bận đi làm xa nên ông Th đứng ra kê khai toàn bộ diện tích và đóng thuế thửa đất đó là khoảng 1.000m² (kèm biên lai thuế), đóng thuế 1.000m² đất ở có cả căn nhà và thửa đất của ông T. Trên thực tế ngoài căn nhà 70,9m² ông T còn có 2 căn nhà trên phần đất của ông T, khi được cho căn nhà và thửa đất năm 1995 vào năm 1996 ông T tiếp tục căn nhà tròn (tại ô số 3) căn nhà cất là mái lá, cột cây và nền bằng xi măng nên không được Ủy ban phường xác nhận là căn nhà mà chỉ tính nền sân. Đầu năm 2002 ông T đã cất thêm căn nhà 30,8m² để làm nhà kho. Thời điểm cất căn nhà 30,8m² cán bộ phường B có vào kiểm tra nhưng chỉ thấy ông T cất nhà kho mái tole, vách tole, cột bằng bê tông nên không xử phạt mà đi về. Năm 2003, ông T lập gia đình và có hộ khẩu trên căn nhà và thửa đất của ông. Cuối năm 2003, phòng vào đo vẽ thửa đất của ông T trên bản vẽ đo năm đó chỉ có 200m² mà ông T vẫn không biết từ khi nào đo vẽ, chỉ có vợ ông T ở nhà nên sau khi đo vẽ xong là Ủy ban phường đi về. Năm 2009 UBND phường có mời ông T lên hiệp thương và đưa bản vẽ có 200m² nhưng ông T không đồng ý đòi đo lại và diện tích thực tế là 221,6m² như hiện nay và bản vẽ 200m² của ông T đã bị phường tiêu hủy không đưa lại ông T. Phường đã áp dụng bản vẽ năm 2009 là 221,6m². Quay lại căn nhà 30,8m² ở ô số 4 ngày 13/6/2011 mới ra quyết định 7552 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính, xây dựng căn nhà không có giấy phép xây dựng vào năm 2002. Ông T cho rằng căn nhà và thửa đất của ông hàng năm có đóng thuế đất thổ cư cho nhà nước và mục đích chính của gia đình ông T là để ở và gia đình ông T chưa bị xử phạt hành chính đối với căn nhà 70,9m² do xây dựng năm 1992 trước khi Quận H được thành lập.

Ý kiến của người bị kiện:

Ông Nguyễn Phước H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H vắng mặt

nhưng đã có ý kiến bằng văn bản: Chủ tịch UBND Quận H không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu của người khởi kiện – ông Ngô Tấn T. Vì các yêu cầu của người khởi kiện không có cơ sở. Việc Chủ tịch UBND Quận H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền, đúng thủ tục ban hành quyết định hành chính. Việc ban hành Quyết định số 16473/QĐ-UBND-Tr ngày 21/12/2010 là đúng chính sách quy định. Chủ tịch UBND Quận H giữ nguyên Quyết định này.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường B, Quận H do ông Lê Hoàng T đại diện theo ủy quyền trình bày: UBND phường B đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm về việc giao Quyết định số 16473/QĐ-UBND-Tr ngày 21/12/2010 của Chủ tịch UBND Quận H cho ông Ngô Tấn T theo qui định của pháp luật. UBND phường B thống nhất với ý kiến của UBND Quận H về việc Chủ tịch UBND Quận H ban hành Quyết định số 16473/QĐ-UBND-Tr ngày 21/12/2010 là đúng thẩm quyền, đúng thủ tục ban hành quyết định hành chính. UBND phường B đề nghị Tòa án xem xét giải quyết các yêu cầu của người khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị N: Tại phiên tòa, bà N thống nhất với nội dung trình bày và yêu cầu của ông T về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 16473/QĐ-UBND-Tr ngày 21/12/2010 của Chủ tịch UBND Quận H. Bà N không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Bản án Hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

“Xử:

1. Bác yêu cầu của ông Ngô Tấn T về việc hủy Quyết định hành chính số 16473/QĐ-UBND-Tr ngày 21/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H;” ...

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/4/2018 người khởi kiện có ông Bùi Quốc T1 làm đại diện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu: Sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T hoặc hủy án sơ thẩm vì đã không thu thập đầy đủ chứng cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Ông Ngô Tấn T, ông Bùi Quốc T11 và bà Trương Thị N có ý kiến: Yêu cầu Tòa án hủy án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện là ông Phạm Hoàng Anh T trình bày: Đề nghị bác kháng cáo, y án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của UBND phường K là ông Nguyễn Trường N trình bày: Đề nghị bác kháng cáo, y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Việc ban hành, tổng đạt thông báo thụ lý phúc thẩm, quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, việc tuân theo pháp luật của đương sự, Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong giai đoạn phúc thẩm thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tòa án có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về thời hạn kháng cáo: Kháng cáo trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T có ông T1 làm đại diện, hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HCST ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Người khởi kiện nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn quy định tại Điều 206 và Điều 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp lệ và được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[1.3]. Về kế thừa tư cách đương sự trong vụ án:

Ngày 09/12/2020 Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 “Về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố T thuộc Thành phố Hồ Chí Minh” (có hiệu lực ngày 01/01/2021) hợp nhất dân số và diện tích các Quận H, Quận C và quận T thành thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên UBND thành phố T kế thừa và thực hiện quyền, nghĩa vụ của UBND Quận H. Vì vậy, người bị kiện trong vụ án là Chủ tịch UBND thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đồng thời, Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 cũng sáp nhập phường B và phường A thành phường K, do vậy UBND phường K kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của UBND phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.4]. Về sự có mặt của đương sự.

Người bị kiện và các ông Trần Cảnh Phong, Nguyễn Hoàng Sơn có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng Hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự, ông Phong và ông Sơn.

[2]. Về yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Tấn T:

Ông Ngô Tấn T có ông Bùi Quốc T1 đại diện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ.

[3]. Xét kháng cáo của ông Ngô Tấn T.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1]. Vụ án được Tòa án nhân dân Quận H xét xử sau ngày 01/7/2016 (ngày Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015 có hiệu lực thi hành) nhưng không thực hiện đúng thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, không công bố, công khai tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án là đã xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của đương sự, vi phạm Điều 83, Điều 96, Điều 138 và Điều 139 Luật Tổ tụng Hành chính.

[3.2]. Việc phát hành Bản án sơ thẩm và ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án không đúng pháp luật.

Hồ sơ vụ án có lưu 02 bản chính Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 30/3/2018, gồm: Bản án có bút lục 188-192 và Bản án không được đánh dấu bút lục của Tòa án. Cụ thể:

+Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 30/3/2018 (Bút lục 188-192), được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 04/2018/QĐ-SCBSBA ngày 10/5/2018.

+Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 30/3/2018 (không đánh số bút lục) có tổng hợp một phần nội dung của Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 04/2018/QĐ-SCBSBA ngày 10/5/2018. Bản án này cùng nội dung với bản gốc Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 30/3/2018 (Bút lục 183-187) lưu tại hồ sơ vụ án.

Bên cạnh đó, Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 04/2018/QĐ-SCBSBA ngày 10/5/2018 cũng xác định không chính xác vị trí cần

được bổ sung, đồng thời nội dung sửa chữa, bổ sung cũng vi phạm khoản 1 Điều 197 Luật Tổ tụng Hành chính.

[3.3]. Với những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng đã phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân Quận H để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Yên cầu kháng cáo của ông T được chấp nhận.

Chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm theo thẩm quyền.

[4]. Bản án hành chính sơ thẩm bị hủy do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét về nội dung.

[5]. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm cùng quan điểm của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên đương sự không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Từ những căn cứ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Tấn T có ông Bùi Quốc T1 là đại diện theo ủy quyền.

2. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân Quận H (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo thẩm quyền.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn lại cho ông Ngô Tấn T tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0015153 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- TAND thành phố T, TP.HCM;
- Cục Thi hành án Dân sự TP.HCM;
- Chi cục THADS thành phố T, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Bảo Nguyên